Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 20/08/2024 16:26:09 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013, được sửa đổi bổ sung bởi:

1. Thông tư số 39/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại một số Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

2. Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán. Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ các Thông tư sau:

- Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

- Thông tư số 39/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại một số Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 (Sau đây gọi là Thông tư số 39/2020/TT-BTC) (Thông tư số 39/2020/TT-BTC được đính chính bởi Công văn số 10965/BTC-QLKT ngày 10/9/2020 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 39/2020/TT-BTC).

- Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán. Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.[2]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

---

[2] Thông tư số 39/2020/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại một số Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập."

- Thông tư số 22/2024/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán. Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên.

1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp kiểm toán).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

Điều 3. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Giấy chứng nhận đủ điều kinh doanh dịch vụ kiểm toán được cấp cho công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 21 Luật kiểm toán độc lập và các quy định tại Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập (dưới đây gọi tắt là Nghị định số 17/2012/NĐ-CP). Đối với công ty kiểm toán TNHH một thành viên có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật kiểm toán độc lập không áp dụng điều kiện về mức vốn góp của kiểm toán viên hành nghề quy định tại Khoản 1 Điều 7 và vốn góp của tổ chức quy định tại Điều 6 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP trừ khi công ty cơ cấu lại tổ chức thành công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

Điều 4. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các bản sao giấy tờ, văn bằng phải được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn đề nghị bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ gửi Bộ Tài chính.

5. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

Chương II
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục I).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục III).

4. ***(bãi bỏ)***[3]

5. Bản sao Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) đối với công ty TNHH, công ty hợp danh.

6. Bản sao Điều lệ công ty.

7. Danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn, danh sách thành viên hợp danh (theo mẫu quy định tại phụ lục IV), trong đó phải thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch; Số và ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (đối với các cá nhân là kiểm toán viên hành nghề);

b) Tên, địa chỉ đặt trụ sở, số và ngày quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) đối với tổ chức; Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đối với cá nhân được cử là người đại diện phần vốn góp của tổ chức;

c) Số vốn góp theo đăng ký, giá trị vốn đã thực góp, tỷ lệ sở hữu, thời hạn góp vốn.

8. Văn bản xác nhận về vốn đối với công ty TNHH, cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp thành lập mới phải có:

- Biên bản góp vốn của các thành viên sáng lập;

- Trường hợp số vốn được góp bằng tiền thì phải có văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số tiền ký quỹ của các thành viên sáng lập. Số tiền ký quỹ tối thiểu phải bằng số vốn góp bằng tiền của các thành viên sáng lập và chỉ được giải ngân sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

- Trường hợp số vốn góp bằng tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả thẩm định giá tài sản được đưa vào góp vốn. Chứng thư phải còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

b) Đối với doanh nghiệp đang hoạt động phải có văn bản xác nhận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác về mức vốn hiện có thuộc sở hữu của

---

[3] Khoản này bị bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

doanh nghiệp đó được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm đăng ký hoặc năm trước liền kề năm đăng ký).

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục II).

2. Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài (hoặc văn bản tương đương) theo quy định của pháp luật của nước nơi doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đặt trụ sở chính.

3. Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

4. Văn bản của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

5. Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

6. ***(bãi bỏ)***[4]

7. Quyết định của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) chi nhánh.

8. Văn bản xác nhận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác về mức vốn hiện có thuộc sở hữu của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm đăng ký hoặc năm trước liền kề năm đăng ký).

9. Tài liệu chứng minh về việc doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài cấp vốn cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán gửi một bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này tới Bộ Tài chính.

2. Trong thời gian quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 3 Điều 24 Luật kiểm toán độc lập, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu không có yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thì Bộ Tài chính xem xét để cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; Trường hợp từ chối Bộ Tài chính phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

---

[4] Khoản này bị bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chưa hợp lệ thì trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo cho tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để hoàn chỉnh hồ sơ.

4. Khi nhận được văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải bổ sung, sửa đổi theo thông báo và gửi về Bộ Tài chính. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, sửa đổi, nếu Bộ Tài chính không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì xem xét cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 3 Điều 24 Luật kiểm toán độc lập.

5. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã bổ sung, sửa đổi hồ sơ nhưng không đúng với yêu cầu, Bộ Tài chính sẽ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 8. Nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm các thông tin chính sau đây:

a) Tên doanh nghiệp kiểm toán; Tên doanh nghiệp kiểm toán bằng tiếng nước ngoài (nếu có); Tên viết tắt (nếu có); Địa chỉ trụ sở chính;

b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật và họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp kiểm toán (nếu không phải là người đại diện theo pháp luật);

c) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Số, ngày cấp và tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

đ) Các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ khi sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

Điều 9. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có sự thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI);

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã được cấp lần gần nhất;

c) Báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị điều chỉnh và các tài liệu có liên quan đến thông tin điều chỉnh.

Điều 10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được đề nghị cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu.

2. Doanh nghiệp kiểm toán phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc hoàn thành việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII);

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

c) Tài liệu có liên quan khác.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

Điều 11. Nộp lệ phí

1. Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải nộp lệ phí ngay khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Mức lệ phí, việc quản lý, sử dụng lệ phí cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 12. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

3. Bộ Tài chính công bố quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định thu hồi.

3. Bộ Tài chính công bố quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

4. Doanh nghiệp kiểm toán phải nộp trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

Điều 14. Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán muốn tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải gửi thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục XI) đến Bộ Tài chính ít nhất 15 ngày trước ngày dự định tạm ngừng kinh doanh.

2. Danh sách doanh nghiệp kiểm toán tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Khi hoạt động trở lại, doanh nghiệp kiểm toán phải bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày trước ngày hoạt động trở lại.

Điều 15. Chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Doanh nghiệp kiểm toán dự định chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Báo cáo về các hợp đồng kiểm toán và các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập chưa hoàn thành;

c) Biện pháp và cam kết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên có liên quan;

d) Phương án và biện pháp xử lý đối với các hợp đồng kiểm toán và các dịch vụ khác chưa hoàn thành (nếu có).

3. Doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm thông báo cho khách hàng (đơn vị được kiểm toán) và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán ít nhất 30 ngày trước khi chính thức chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Thông báo chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán nêu tại Khoản 1 Điều này phải bao gồm các thông tin sau:

a) Thời gian bắt đầu chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, lý do chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Biện pháp và cam kết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên có liên quan.

Điều 16. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán

1. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán chỉ được kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán đăng ký cho chi nhánh được kinh doanh dịch vụ kiểm toán gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp;

*c) **(bãi bỏ)***[5]

d) Quyết định bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về việc chấp thuận cho từng chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

4. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không bảo đảm điều kiện quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập sau ba tháng liên tục thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

---

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

5. Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán đó cũng bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

6. Chi nhánh bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong suốt thời gian hoạt động.

2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Báo cáo Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Thông báo bằng văn bản (kèm theo tài liệu chứng minh) cho Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về những nội dung quy định tại Điều 26 Luật kiểm toán độc lập.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và việc sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

7.Gửi Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán với những nội dung sau:[6]

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kê khai việc duy trì từng điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong năm của doanh nghiệp kiểm toán. Cụ thể:

- Số và ngày Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) cấp lần gần nhất;

- Số và ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cấp lần đầu và cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất;

- Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán đến thời điểm báo cáo;

- Vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo, trong đó chi tiết:

+ Vốn góp của kiểm toán viên hành nghề;

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 39/2020/TT-BTC , có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

+ Vốn góp của thành viên là tổ chức; Họ tên và Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của người đại diện của thành viên là tổ chức;

- Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính năm gần thời điểm báo cáo nhất;

- Việc mua bảo hiểm nghề nghiệp, trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp;

- Việc chấp hành pháp luật.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp kiểm toán.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán).

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc bản sao điện tử, được gửi bằng một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi qua hệ thống thư điện tử;

- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 31/10 năm báo cáo hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 năm báo cáo hoặc đến thời điểm theo yêu cầu.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

k) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

l) Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: Hàng năm, doanh nghiệp kiểm toán tổng hợp thông tin các điều kiện kinh doanh kiểm toán theo mẫu và gửi về Bộ Tài chính theo thời hạn quy định.

8.Gửi Báo cáo tình hình hoạt động năm với những nội dung sau:[7]

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động năm.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo số liệu, thông tin cơ bản nhất về tình hình hoạt động kinh doanh kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán trong năm, cụ thể:

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 39/2020/TT-BTC , có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

- Tình hình nhân viên;

- Tình hình doanh thu;

- Kết quả kinh doanh;

- Những thay đổi trong năm;

- Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính (nếu có).

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp kiểm toán.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán).

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc bản sao điện tử, được gửi bằng một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi qua hệ thống thư điện tử;

- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

e) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là ngày 10/4 năm sau.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo.

i) Mẫu đề cương báo cáo: Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

k) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

l) Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo: Hàng năm, doanh nghiệp kiểm toán tổng hợp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh kiểm toán theo mẫu và gửi về Bộ Tài chính theo thời hạn quy định..

Điều 18. Công khai thông tin về doanh nghiệp kiểm toán

1. Bộ Tài chính công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính:

a) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán;

b) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc bị cảnh báo về điều kiện kinh doanh trong thời gian doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không đảm bảo điều kiện hoạt động dịch vụ kiểm toán theo quy định;

c) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải công bố nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 8 Thông tư này trên một trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành[8]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 23 /VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (5b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng

---

[8] Điều 8 Thông tư số 39/2020/TT-BTC quy định như sau:

*"**Điều 8. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

- Điều 4 Thông tư số 22/2024/TT-BTC quy định như sau:

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

..., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*).....

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số..... do..... *(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

4. Vốn điều lệ:....., trong đó vốn góp của các kiểm toán viên hành nghề là....., chiếm.....% vốn điều lệ.

5. Điện thoại:..... Fax:.....

6. Website (nếu có)..... E-mail:.....

7. Người đại diện theo pháp luật:[8]

Họ và tên..... Giới tính:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

---

[8] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 7 Phần 1 Phụ lục I bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày...../..../....

8. Giám đốc (Tổng Giám đốc) (Nếu không đồng thời là người đại diện theo pháp luật):[9]

Họ và tên..... Giới tính:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày...../..../....

Phần 2. Thông tin về chi nhánh của doanh nghiệp đề nghị được kinh doanh dịch vụ kiểm toán[10]

1. Chi nhánh 1:

- Tên chi nhánh

- Địa chỉ chi nhánh:

Điện thoại: ..... Fax:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số..... do..... *(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

- Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên..... Giới tính:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

---

[9] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 8 Phần 1 Phục lục I bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

[10] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 1 Phần 2 Phục lục I bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày...../...../....

2. Chi nhánh 2:

.....

Phần II. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

1. *(Tên doanh nghiệp)* đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

-.....

-.....

Phần III. Doanh nghiệp cam kết

(*Tên doanh nghiệp*) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, *(tên doanh nghiệp)* sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, và đóng dấu)

Ghi chú:

- Tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, địa chỉ kê khai trong đơn phải phù hợp với tên, địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh.

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN CHO CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Tài chính

(*Tên doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài*).....

Sau khi nghiên cứu các quy định pháp luật của Việt Nam về điều kiện, thủ tục hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, căn cứ nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và tính khả thi của phương án hoạt động kinh doanh, (*Tên doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài*) đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho (*Tên chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam*) của (*Tên doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài*) với các nội dung chính sau đây:

□ I - Thông tin về doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch và tên viết tắt (nếu có) của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

2. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email.

3. Ngày thành lập, ngày đăng ký kinh doanh, ngày bắt đầu hoạt động và ngày kết thúc hoạt động.

4. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kiểm toán độc lập, số và ngày của Giấy phép, ngày hết hạn (nếu có).

5. Cơ quan cấp Giấy đăng ký kinh doanh, số và ngày của Giấy đăng ký kinh doanh.

6. Vốn điều lệ, vốn thực góp.

7. Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm thành lập chi nhánh.

8. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.[11]

---

[11] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 8 mục I Phụ lục II bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Họ và tên..... Giới tính:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

9. Loại hình hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài (hợp danh, tư nhân, TNHH,...); Những nội dung hoạt động chính (hoặc loại dịch vụ kiểm toán) được phép theo pháp luật của nước nguyên xứ; Những hạn chế trong hoạt động (nếu có).

□ II - Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam

1. Tên chi nhánh: tên đầy đủ, tên giao dịch và tên viết tắt (nếu có) của chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam bằng tiếng Việt, và bằng tiếng nước ngoài (nếu có đề nghị).

2. Địa chỉ của chi nhánh.

3. Vốn được cấp của chi nhánh.

4. Giám đốc (Tổng Giám đốc) của chi nhánh:[12]

Họ và tên..... Giới tính:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày...../...../.....

5. Thời hạn hoạt động của chi nhánh.

6. Các nội dung hoạt động chủ yếu.

7. Tên, chức vụ của cá nhân, tổ chức đại diện (hoặc thay mặt) cho doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài theo dõi và thực hiện các thủ tục liên quan đến đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, kèm theo

---

[12] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 4 mục II Phụ lục II bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

văn bản uỷ quyền (nếu có).

□ III- Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài cam kết:

(*Tên doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài*) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về kiểm toán độc lập và các quy định có liên quan của Việt Nam.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

...., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu nếu có dấu)

Phụ lục III

MẪU DANH SÁCH KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ CÓ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG LÀM TOÀN BỘ THỜI GIAN TẠI DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán

(Tại ngày...../..../.....)

Số TT	Họ và tên KTV hành nghề	Năm sinh		Chức vụ	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán		
		Nam	Nữ		Số	Thời hạn	
						Từ ngày	Đến ngày
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	I. Tại trụ sở chính						
	II. Tại chi nhánh**.....** *(nếu có)* [1]						
	III. Tại chi nhánh**....** *(nếu có)* [1]						
	...						

..., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, và đóng dấu)

Ghi chú: [1] *Nếu không có chi nhánh thì bỏ mục II, III*

Phụ lục IV
MẪU DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÓP VỐN, DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

Danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn, danh sách thành viên hợp danh

I. Thành viên là cá nhân

(1). Họ và tên..... Giới tính:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số Hộ chiếu số:[13].....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày...../..../.....

Số vốn góp theo đăng ký:..... Thời hạn góp vốn.....

Giá trị vốn đã thực góp:.....

Tỷ lệ sở hữu:.....

(2). Họ và tên..... Giới tính:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số [14].....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp

---

[13] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm (1) mục I Phụ lục IV bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

[14] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm (2) mục I Phụ lục IV bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

ngày...../..../.....

Số vốn góp theo đăng ký:..... Thời hạn góp vốn.....

Giá trị vốn đã thực góp:.....

Tỷ lệ sở hữu:.....

(3).....

II. Thành viên là tổ chức

(1). Tên tổ chức: (*ghi bằng chữ in hoa*).....

- Địa chỉ:.....

- Quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) số..... ngày.....

Người đại diện phần vốn góp:

Họ và tên..... Giới tính:.....

Quốc tịch..... Sinh ngày:...../...../.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số[15] .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày.....

Số vốn góp theo đăng ký:..... Thời hạn góp vốn.....

Giá trị vốn đã thực góp:.....

Tỷ lệ sở hữu:.....

(2)....

..., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, và đóng dấu)

---

[15] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm (1) mục II Phụ lục IV bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Phụ lục V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Doanh nghiệp kiểm toán được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải:

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong suốt thời gian hoạt động.

2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Thông báo với Bộ Tài chính và làm thủ tục điều chỉnh theo quy định nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy này.

5. Trình báo ngay cho cơ quan Công an và thông báo cho Bộ Tài chính trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, đồng thời làm hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định.

6. Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc khi có quyết định thu hồi./.

-Trang 4-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Cấp lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Điều chỉnh lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:...../KDKT

-Trang 1-

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của (*tên doanh nghiệp*).

CHỨNG NHẬN:

1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....
3. Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*): .....
4. Địa chỉ trụ sở chính:.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do... *(tên cơ quan)*... cấp ngày... tháng... năm...
6. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên..... Năm sinh:.....

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho (*tên doanh nghiệp*); 01 bản lưu tại Bộ Tài chính.

Ngày.... tháng..... năm.....
TL. BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày..... 7. Giám đốc (Tổng Giám đốc): Họ và tên..... Năm sinh:..... Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:..... cấp ngày..... -Trang 2-	-Trang 3-

Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Kính gửi: Bộ Tài chính

1. Tên doanh nghiệp:.....

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... Số điện thoại:..... số fax:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số... do... *(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày... tháng... năm...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số..... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ..... ngày... tháng... năm...).

Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho *(tên doanh nghiệp)* trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số.... cấp.... ngày... tháng... năm..... theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

2. Nội dung đề nghị điều chỉnh: *(Tên doanh nghiệp)* đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo các nội dung sau:

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do đề nghị điều chỉnh:.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trong Đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán
(đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng)

Kính gửi: Bộ Tài chính

1. Tên doanh nghiệp:.....

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... Số điện thoại:..... số fax:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số... do... *(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày... tháng... năm...
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số..... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ..... ngày... tháng... năm...).

Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho *(tên doanh nghiệp)* thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số.... cấp.... ngày... tháng... năm..... theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

2. Lý do đề nghị cấp lại:.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung

trong Đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Phụ lục VIII
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:....	*..., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phần I. Thông tin về doanh nghiệp và chi nhánh

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do..... *(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số..... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ..... ngày... tháng... năm...).

Phần II. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

(*Tên doanh nghiệp*) đăng ký và đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho chi nhánh (*tên chi nhánh*) được kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập, với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh .....

2. Địa chỉ chi nhánh:

Điện thoại:..... Fax:.....

4. Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên..... Giới tính:.....

CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số:[16].....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

---

[16] Thay thế cụm từ "CMND/Hộ chiếu số ...cấp ngày:.../.../... tại..." tại điểm 4 mục II Phụ lục VIII bằng cụm từ "CMND/Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số..." theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 22/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Nơi ở hiện nay:.....

5. Danh sách kiểm toán viên hành nghề làm việc tại chi nhánh:

Số TT	Họ và tên KTV hành nghề	Năm sinh		Chức vụ	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán		
		Nam	Nữ		Số	Thời hạn	
						Từ ngày	Đến ngày
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	...						

Hồ sơ kèm theo gồm có:

-

.....

-

.....

Phần III. Doanh nghiệp cam kết

(*Tên doanh nghiệp*) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh trong việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Phụ lục IX
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:.....

BÁO CÁO
Tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 203/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, *(tên doanh nghiệp kiểm toán)* báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán như sau:

1. *(Tên doanh nghiệp kiểm toán)* hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số... do... *(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày... tháng... năm...

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số..... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ..... ngày... tháng... năm...).

3. Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán đến thời điểm báo cáo:

Số TT	Họ và tên KTV hành nghề	Năm sinh		Chức vụ	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán		
		Nam	Nữ		Số	Thời hạn	
						Từ ngày	Đến ngày
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	I. Tại trụ sở chính						
	II. Tại chi nhánh..... *(nếu có)* (1)						
	III. Tại chi nhánh.... *(nếu có)* (1)						
	...						

4. Vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo:..... đồng.

Trong đó:

- Vốn góp của kiểm toán viên hành nghề:..... đồng, chiếm.... % vốn điều lệ của công ty.

- *Vốn thực góp của kiểm toán viên hành nghề đến thời điểm báo cáo:..... đồng, chiếm....% vốn thực góp của công ty.*

- Vốn góp của các thành viên là tổ chức:..... đồng, chiếm.... % vốn điều lệ của công ty.

- Họ tên người đại diện của thành viên là tổ chức:..... Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số.... cấp ngày.....

5. Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính năm trước liền kề:.... đồng.

6. Về việc mua bảo hiểm nghề nghiệp, trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp:

- Số trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong năm:

7. Về việc chấp hành pháp luật: (*Nêu cụ thể các vi phạm về kế toán, kiểm toán và các vi phạm khác và hình thức xử lý đã bị áp dụng, nếu có).*

(Tên doanh nghiệp kiểm toán) cam đoan những nội dung kê khai trên đây là trung thực và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo này./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Ghi chú: [1] *Nếu không có chi nhánh thì bỏ mục II, III*

Phụ lục X
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:.....

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động năm.....
(từ 01/01 đến 31/12)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 203/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, *(tên doanh nghiệp kiểm toán)* báo cáo tình hình hoạt động năm..... như sau:

1. Tình hình nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số nhân viên đến 31/12				
Trong đó:				
1. Nhân viên chuyên nghiệp				
2. Nhân viên khác				
II. Số người có chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
III. Số người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán tại doanh nghiệp				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
IV. Số người chỉ có Chứng chỉ KTV nước ngoài				
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
V. Số người có Chứng chỉ hành nghề kế toán				
VI. Số người có Thẻ thẩm định viên về giá				
VII. Số người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế				

2. Tình hình doanh thu:

2.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:

Đơn vị tính: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu				
Trong đó:				
1. Kiểm toán báo cáo tài chính				
2. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành				
3. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính				
4. Dịch vụ kế toán				
5. Dịch vụ tư vấn thuế				
6. Dịch vụ thẩm định giá tài sản				
7. Dịch vụ tư vấn tài chính, quản lý, tư vấn nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin				
8. Dịch vụ bồi dưỡng tài chính, kế toán, kiểm toán				
9. Dịch vụ liên quan khác				

2.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:

Đơn vị tính: Triệu VND

Đối tượng khách hàng	Năm nay			Năm trước		
	Số lượng khách hàng	Doanh thu		Số lượng khách hàng	Doanh thu	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)		Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu						
A. Theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức						
1. Công ty cổ phần						
- Công ty cổ phần niêm yết						
- Công ty cổ phần chưa niêm yết						
2. Công ty TNHH						
3. Công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã						
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội						
5. Dự án quốc tế, tổ chức khác						
B. Theo hình thức sở hữu						

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
2. Doanh nghiệp nhà nước						
3. Doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức khác						
C. Theo tính chất và quy mô hoạt động						
1. Các đơn vị có lợi ích công chúng						
2. Doanh nghiệp, tổ chức khác						

3. Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Tổng số vốn điều lệ [(1)]		
2. Tổng số vốn kinh doanh (vốn chủ sở hữu) thực tế [(2)]		
3. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +; Lỗ -)		
4. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế và các khoản phải nộp khác		
5. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		
6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)		
7. Số trích Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong năm [(2)]		
8. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp [(2)]		

4. Những thay đổi trong năm:

(Mở thêm hoặc giảm bớt chi nhánh, đổi tên công ty, thay Giám đốc (Tổng Giám đốc), trở thành Thành viên hãng Quốc tế, thay đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, tăng giảm KTV đăng ký...)

5. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính (nếu có):

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Kiến nghị (với Bộ Tài chính, với VACPA, với UBCKNN...):
- Thông tin khác:

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1). Ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất.

(2). Ghi theo báo cáo tài chính.

Phụ lục XI
MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC
TẠM NGỪNG KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
(Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

..., ngày... tháng... năm 20...

THÔNG BÁO
V/v tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Kính gửi: Bộ Tài chính

1. Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số... do... *(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày... tháng... năm...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán số..... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ..... ngày... tháng... năm...).

Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm toán như sau:

Thời gian tạm ngừng:.....

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày..... tháng..... năm.....

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày..... tháng..... năm.....

Lý do tạm ngừng:

.....

2. Biện pháp và cam kết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên có liên quan.

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)